

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Tăng Ngọc Châu
2. Ông: Nguyễn Trường Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Bưởi – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 07/2025/TLST – HS ngày 25 tháng 08 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2025/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị Thanh T**; Giới tính: Nữ; Tên gọi khác: Không. Sinh ngày: 10/01/1992, tại huyện M, tỉnh Sóc Trăng; Nơi đăng ký thường trú: ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; Chỗ ở hiện nay: ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp P, xã N, thành phố Cần Thơ). Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Buôn bán. Họ và tên cha: Nguyễn Tấn G (Sống). Họ và tên mẹ: Mã Thị G1 (Sống). Chồng bị cáo tên: Nguyễn Văn K, sinh năm 1990; Con bị cáo: có 01 người, sinh năm 2018. Tiền án: Không. Tuy nhiên, sau khi phạm tội trong vụ án này, vào tháng 07 năm 2024, bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và bị Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ tuyên phạt 07 năm tù, theo Bản án hình sự sơ thẩm số: 131/2025/HSPT ngày 04/9/2025. Tiền sự: 01 tiền sự, cụ thể: Ngày 13/3/2025, bị cáo thực hiện hành vi “Trộm cắp tài sản”, bị Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng

xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.500.000 đồng, tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 98/QĐ-XPHC ngày 19/3/2025. Bị cáo bị áp dụng biện pháp bắt bị cáo để tạm giam từ ngày 16/5/2025 cho đến nay. (có mặt)

****Người bị hại:***

- Ông **Dương Minh K1**, sinh ngày 29/7/1986 (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Bà **Lý Thị Bích N**, sinh ngày 10/5/1989 (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp L, xã N, thành phố Cần Thơ.

- Ông **Lê Quang N1**, sinh ngày 11/12/1972 (có mặt)

- Bà **Giang Thị T1**, sinh ngày 13/8/1975 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp D, xã H, thành phố Cần Thơ

- Ông **Phan Thanh H**, sinh ngày 01/01/1967 (có mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã H, thành phố Cần Thơ

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ có liên quan:*** Ông **Nguyễn Văn K**, sinh ngày 24/11/1990 (có mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã N, thành phố Cần Thơ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:

Bị cáo Nguyễn Thị Thanh T là người có 01 tiền sự về hành vi trộm cắp tài sản, do không có tiền tiêu xài cá nhân nên Nguyễn Thị Thanh T nảy xin ý định đi tìm nhà người dân không có ai trông coi để tìm lấy tài sản, để thực hiện ý định đó Nguyễn Thị Thanh T đã thực hiện 03 vụ trộm trên địa bàn các xã thuộc huyện M, tỉnh Sóc Trăng (nay thuộc thành phố Cần Thơ), cụ thể như sau:

- Vụ thứ nhất: Khoảng 11 giờ ngày 25/4/2025, Nguyễn Thị Thanh T một mình điều khiển xe mô tô biển số 52N9-8004, chạy từ nhà tại ấp P, xã N, thành phố Cần Thơ theo đường T đến xã H, thành phố Cần Thơ để lấy thẻ bảo hiểm. Sau khi lấy thẻ bảo hiểm xong, T chạy xe từ xã H 1 về hướng thị trấn M. Khi đến ngã ba gần cổng chào xã N (nay là xã N, thành phố Cần Thơ) Trúc rẽ phải chạy qua cầu T thì rẽ trái. Đến trước nhà của ông Dương Minh K1 thì bị cáo T nhìn thấy nhà đang mở cửa nhưng không có người trông coi nên T đậu xe phía trước rồi lén lút đi vào nhà với mục đích tìm kiếm tài sản để lấy trộm. T đi ra phía sau nhìn thấy có áo khoác đang treo nên đi đến lục trong túi áo khoác thì phát hiện có một cái ví, T mở ví ra xem thì thấy có ba tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, tổng

cộng là 1.500.000 đồng. T lấy hết số tiền trên bỏ vào túi, rồi bỏ cái ví lại chỗ cũ và tiếp tục lục soát quần áo kiểm tài sản nhưng không có. T tiếp tục đi ra phía sau lục soát cái áo khoác của bà Lý Thị Bích N – vợ ông Dương Minh K1 đang để trên chiếc xe mô tô, thì phát hiện trong túi áo có số tiền 1.200.000 đồng. T lấy hết số tiền trên bỏ vào túi và để cái áo khoác lại chỗ cũ, rồi đi ra lấy xe chạy về nhà. Tổng số tiền 2.700.000 đồng chiếm đoạt được nêu trên bị cáo T đã dùng để trả nợ và tiêu xài cá nhân hết.

- Vụ thứ hai: Khoảng 12 giờ ngày 27/4/2025, Nguyễn Thị Thanh T một mình điều khiển xe mô tô biển số 52N9-8004 chạy từ nhà tại ấp P, xã T theo đường T đến địa bàn xã H, thành phố Cần Thơ. Khi chạy qua cầu Hòa Phú một đoạn, đến ngã ba bị cáo rẽ vào đường lộ bê tông bên tay phải, rồi chạy thẳng vào trong với mục đích quan sát nhà nào không có người trông coi rồi lén lút vào nhà tìm tài sản để lấy trộm. Đi được một đoạn, bị cáo quay xe chạy ngược trở lại, đến cây cầu qua sông nhà của ông Phan Thanh H, tại ấp H, xã H, thành phố Cần Thơ thì T đậu xe lại bên đường rồi đi bộ qua nhà ông H. Đến trước nhà, T kêu nhưng không có người lên tiếng, biết là không có người trông coi nên bị cáo đi vào nhà thì nhìn thấy trên vách tường bên trái gần cửa có treo một cái quần dài, T đưa tay vào túi quần lấy ra một cái ví da màu đen, mở ví ra thì phát hiện có tiền bên trong, tổng cộng là 3.396.000 đồng, nên T lấy hết số tiền trong ví bỏ vào túi quần và bỏ cái ví lại chỗ cũ, rồi đi ra lấy xe chạy đến Chợ K3 mua trái cây rồi chạy xe về nhà. Số tiền chiếm đoạt được nêu trên bị cáo T đã dùng để trả nợ và tiêu xài cá nhân hết.

- Vụ thứ ba: Vào khoảng 10 giờ 30 phút ngày 04/5/2025, Nguyễn Thị Thanh T một mình điều khiển xe mô tô biển số 52N9-8004, chạy từ nhà tại ấp P, xã T theo đường T đến địa bàn xã H với mục đích quan sát nhà nào không có người trông coi rồi lén lút vào nhà tìm tài sản để lấy trộm. Khi đi đến cầu H, T rẽ phải chạy theo đường lộ bê tông, đến trước nhà của ông Lê Quang N1, tại ấp D, xã H, thành phố Cần Thơ, T nhìn thấy nhà đang mở cửa nhưng không có người trông coi nên bị cáo dừng xe lại đậu xe bên đường rồi đi bộ vào nhà thì nghe có tiếng điện thoại nhưng không thấy ai. T tiếp tục đi vào từ cửa chính, bỏ dép trước cửa, rồi đi xuống nhà sau thì nhìn thấy một cái tủ bằng nhựa loại có nhiều ngăn, trên đầu tủ có để một cái ví da màu xám loại ví nữ, hình chữ nhật, dài khoảng một gang tay, có dây kéo, là ví đựng tiền của ông N1 và vợ là bà Giang Thị T1. Bị cáo đi đến lấy cái ví lên kéo dây kéo ra thì thấy có tiền, tổng cộng là 2.770.000 đồng và các loại giấy tờ bên trong, T lấy hết số tiền trong ví bỏ vào túi quần và kéo dây kéo của cái ví lại rồi bỏ cái ví vào trong nhà vệ sinh ở gần cái tủ nhựa. Sau đó, T đi vòng qua bên hông nhà đi lại cửa chính mang dép lại, rồi ra lấy xe chạy về nhà.

Số tiền chiếm đoạt được nêu trên bị cáo T đã dùng để trả nợ và tiêu xài cá nhân hết. Tổng số tiền mà bị cáo T chiếm đoạt trong ba vụ trộm với số tiền là **8.866.000 đồng**.

Qua kết quả điều tra, xác minh và khám nghiệm hiện trường, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M, tỉnh Sóc Trăng đã khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với Nguyễn Thị Thanh T. Tiến hành thu giữ các Tập video tên: “Ngày 04-5-2025.mp4” (Ký hiệu A1); Tập video tên: “Ngày 27-4-2025.mp4” (Ký hiệu A5) ghi nhận lại hiện trường mà bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội trung cầu giám định các tập video trên theo quy định pháp luật.

Tại Bản kết luận giám định số 52/KL-KTHS ngày 18 tháng 07 năm 2025 của phòng K4, Công an thành phố C đối với các đoạn video được trích xuất từ camera đã thu giữ trong quá trình điều tra vụ án, kết luận: Không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong các tập video mẫu cần giám định Ký hiệu A1 đến A6.

Tiến hành cho bị cáo Nguyễn Thị Thanh T nhận dạng hình ảnh trong các tập video. Tại Cơ quan điều tra Công an huyện M, tỉnh Sóc Trăng, Nguyễn Thị Thanh T đã thừa nhận và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội do mình đã gây ra.

Về vật chứng của vụ án Cơ quan điều tra đã thu giữ hiện còn quản lý gồm: Một xe mô tô nhãn hiệu: HONDA, màu: Đỏ – đen, số máy: JC35E0033613, số khung: RLHJC35015Y033927, biển số: 52N9-8004 (đã qua sử dụng); Một Hợp đồng ủy quyền đối với xe mô tô biển số: 52N9-8004, được công chứng tại Văn phòng C vào ngày 06/01/2020 (bản gốc); Một Bản sao trích lục kết hôn số: 712/2017/TLKH-BS ngày 18/7/2017 do Ủy ban nhân dân xã L cấp (bản gốc); Một cái áo khoác bằng vải thun màu nâu có mũ trùm đầu (đã qua sử dụng).

Trong quá trình điều tra vụ án bị hại ông Lê Minh K2, ông Phan Thanh H, ông Lê Quang N1 trình bày: Có bị mất trộm số tiền đúng như bị cáo Nguyễn Thị Thanh T đã trình bày. Trong quá trình điều tra, các bị hại đã nhận lại được toàn bộ số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt, hiện nay các bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm. Về trách nhiệm hình sự yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt bị cáo.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thị Thanh T theo như Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thanh T phạm tội: **“Trộm cắp tài sản”**.

Đề nghị áp dụng Khoản 1 Điều 173; điểm b, r, s Khoản 1 Điều 51; điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 56, Khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn

Thị Thanh T. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh T từ: **01 năm 06 tháng từ đến 02 năm tù giam**. Tổng hợp hình phạt 07 (bảy) năm tù tại Bản án hình sự phúc thẩm số 131/2025/HSPT ngày 04/9/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt bị cáo tạm giam là ngày 16/5/2025.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a Khoản 3 Điều 106 BLTTHS trả lại cho chủ sở hữu ông Nguyễn Văn K gồm: Một xe mô tô nhãn hiệu: HONDA, màu: Đỏ – đen, số máy: JC35E0033613, số khung: LHJC35015Y033927, biển số: 52N9-8004 (đã qua sử dụng), còn hoạt động. Một Hợp đồng ủy quyền đối với xe mô tô biển số: 52N9-8004, được công chứng tại Văn phòng C vào ngày 06/01/2020 (bản gốc); Một Bản sao trích lục kết hôn số: 712/2017/TLKH-BS ngày 18/7/2017 do Ủy ban nhân dân xã L cấp (bản gốc);

Áp dụng điểm a Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy vật chứng không có giá trị sử dụng gồm: Một cái áo khoác bằng vải thun màu nâu có mũ trùm đầu (đã qua sử dụng).

Về trách nhiệm dân sự: bị hại không yêu cầu nên không đề nghị xem xét giải quyết.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị Thanh T: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố và Bản luận tội của Viện kiểm sát, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt khi nói lời nói sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện M, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến, khiếu nại hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy, các hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay cũng như trong quá trình điều tra vụ án, bị cáo Nguyễn Thị Thanh T thừa nhận: Vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân bị cáo Nguyễn Thị Thanh T đã nảy sinh ý định lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác, nên khi

chạy xe mô tô trên đường, bị cáo quan sát thấy nhà nào không có người trông coi thì ghé lại, lén lút vào nhà tìm kiếm tài sản để chiếm đoạt. Với phương thức, thủ đoạn nêu trên, từ ngày 25/4/2025 đến ngày 04/5/2025 bị cáo đã ba lần thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tiền của người khác trên địa bàn xã N và xã H, thuộc thành phố Cần Thơ cụ thể vào ngày ngày 25/4/2025 bị cáo lấy trộm của vợ chồng ông Dương Minh K1 và bà Lý Thị Bích N số tiền 2.700.000 đồng; vào ngày 27/4/2025 bị cáo lấy trộm của ông Phan Thanh H số tiền 3.396.000 đồng; vào ngày 04/5/2025 bị cáo lấy trộm của vợ chồng ông Lê Quang N1 và bà Giang Thị T1 số tiền 2.770.000 đồng. Tổng số tiền mà bị cáo chiếm đoạt trong ba vụ trộm với số tiền là 8.866.000 đồng. Các khoản tiền trộm được bị cáo dùng cho việc tiêu sài cá nhân.

Nhận thấy, lời khai nhận tội của các bị cáo là phù hợp với Biên bản tiếp nhận tố giác tội phạm, Biên bản khám nghiệm hiện trường, Biên bản thu giữ vật chứng, phù hợp với các tệp video đã ghi nhận lại quá trình thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo mà cơ quan điều tra đã thu thập, trích xuất phù hợp Bản kết luận giám định số 52/KL-KTHS ngày 18 tháng 07 năm 2025 của phòng K4, Công an thành phố C đối với các đoạn video được trích xuất từ camera đã thu giữ trong quá trình điều tra vụ án. Phù hợp với lời khai của người bị hại người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, hành vi phạm tội nêu trên của bị cáo Nguyễn Thị Thanh T phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo Nguyễn Thị Thanh T khi thực hiện hành vi phạm tội là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người khác, nên Viện kiểm sát nhân dân **Khu vực 8 – Cần Thơ** truy tố bị cáo Nguyễn Thị Thanh T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thị Thanh T là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm hại đến tài sản hợp pháp của các bị hại được pháp luật bảo vệ mà còn làm mất an ninh, trật tự tại địa phương và an toàn xã hội, gây tâm lý hoang mang cho người dân. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo cần phải bị xử phạt nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã

hội, đồng thời răn đe cho người khác, góp phần vào công tác ngăn ngừa, phòng chống tội phạm chung.

Từ những nhận định trên đã có đủ cơ sở kết luận: Vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân bị cáo Nguyễn Thị Thanh T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác nên lợi dụng sự mất cảnh giác của bị hại trong việc quản lý tài sản đã lén lút trộm cắp của vợ chồng ông Dương Minh K1 và bà Lý Thị Bích N số tiền 2.700.000 đồng; của ông Phan Thanh H số tiền 3.396.000 đồng; và của vợ chồng ông Lê Quang N1 và bà Giang Thị T1 số tiền 2.770.000 đồng. Tổng số tiền mà bị cáo chiếm đoạt trong ba vụ trộm với số tiền là 8.866.000 đồng. Nên bị cáo Nguyễn Thị Thanh T đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng: Bị cáo Nguyễn Thị Thanh T khi thực hiện hành vi phạm tội đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm và độc lập với nhau nên thuộc trường hợp tăng nặng là “phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, tự thú khai nhận ra các hành vi trộm cắp khác, tự nguyện khắc phục lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho các bị hại, được bị hại Phan Thanh H và Lê Quang N1 có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Ngoài ra, bị cáo có ông ngoại tên Mã Kim S là người có công với cách mạng (thương binh loại 4/4) đây là tình tiết thuộc tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm r, điểm s Khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 mà bị cáo được hưởng. Do đó Kiểm sát viên đề áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo khi lượng hình là có cơ sở chấp nhận. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để quyết định một hình phạt tù có thời hạn tương xứng tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội sau này.

[5] Trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra các bị hại đã nhận lại đủ số tiền bị mất trộm do bị cáo khắc phục nên tại phiên tòa các bị hại không yêu cầu phải bồi thường về trách nhiệm dân sự nên hội đồng xét xử không đặc ra xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra vụ án có thu giữ vật chứng gồm: Một xe mô tô nhãn hiệu: HONDA, màu: Đỏ – đen, số máy: JC35E0033613, số khung: LHJC35015Y033927, biển số: 52N9-8004 (đã qua sử dụng), còn hoạt

động. Một Hợp đồng ủy quyền đối với xe mô tô biển số: 52N9-8004, được công chứng tại Văn phòng C vào ngày 06/01/2020 (bản gốc); Một Bản sao trích lục kết hôn số: 712/2017/TLKH-BS ngày 18/7/2017 do Ủy ban nhân dân xã L cấp (bản gốc). Xét thấy vật chứng trên là tài sản hợp pháp của ông Nguyễn Văn K nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm a Khoản 3 Điều 106 BLTTHS trả lại cho chủ sở hữu ông Nguyễn Văn K.

Đối với vật chứng gồm: Một cái áo khoác bằng vải thun màu nâu có mũ trùm đầu (đã qua sử dụng). Xét thấy, vật chứng trên là tài sản của bị cáo không liên quan đến việc phạm tội nhưng không có giá trị sử dụng, bị cáo cũng không yêu cầu nhận lại nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự để tịch thu tiêu hủy.

[7] Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 135; Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thanh T bị cáo phải chịu 200.000 án phí hình sự sơ thẩm.

Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên toà hôm nay là có căn cứ, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; các điểm b, điểm r, điểm s Khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Khoản 1 Điều 38, Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Thị Thanh T.

- Căn cứ Khoản 2 Điều 135; Khoản 2 Điều 136 và điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015;

- Căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thị Thanh T phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

1. Xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Thị Thanh T **01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù**. Tổng hợp hình phạt 07 (bảy) năm tù tại Bản án hình sự phúc thẩm số 131/2025/HSPT ngày 04/9/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ. Buộc bị cáo Nguyễn Thị

Thanh T chấp hành hình phạt chung là 08 (tám) năm 06 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt bị cáo tạm giam là ngày 16/5/2025.

2. Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

3. Về xử lý vật chứng tịch thu tiêu huỷ: Một cái áo khoác bằng vải thun màu nâu có mũ trùm đầu (đã qua sử dụng); Trả lại cho chủ sở hữu ông Nguyễn Văn K: Một xe mô tô nhãn hiệu: HONDA, màu: Đỏ – đen, số máy: JC35E0033613, số khung: LHJC35015Y033927, biển số: 52N9-8004 (đã qua sử dụng), còn hoạt động. Một Hợp đồng ủy quyền đối với xe mô tô biển số: 52N9-8004, được công chứng tại Văn phòng C vào ngày 06/01/2020 (bản gốc); Một Bản sao trích lục kết hôn số: 712/2017/TLKH-BS ngày 18/7/2017 do Ủy ban nhân dân xã L cấp (bản gốc)

(Vật chứng trên hiện Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8 – Cần Thơ đang quản lý theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 05 tháng 9 năm 2025)

4. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị Thanh T bị cáo phải chịu là 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm nộp tại Thi hành án dân sự dân thành phố Cần Thơ. (Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 – Cần Thơ).

Báo cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ có liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn nêu trên kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Toà án nhân dân cấp phúc thẩm xử lại theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- VKSND Thành phố Cần Thơ;
- Sở Tư pháp Thành phố Cần Thơ;
- Công an Thành phố Cần Thơ;
- VKSND Khu vực 8 - Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 8 - Cần Thơ;
- CQ CSĐTCA TP Cần Thơ;
- Bị cáo; Bị hại, NCQLLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Toàn

